

Số: 10/2021/NQ-HĐND

Lào Cai, ngày 16 tháng 7 năm 2021

NGHỊ QUYẾT

Ban hành Quy định phân cấp thẩm quyền quyết định trong việc quản lý, sử dụng tài sản công tại các cơ quan, đơn vị, tổ chức thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Lào Cai

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH LÀO CAI
KHOÁ XVI - KỲ HỌP THỨ HAI**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Quản lý, sử dụng tài sản công ngày 21 tháng 6 năm 2017;

Căn cứ Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26 tháng 12 năm 2017 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công;

Căn cứ Nghị định số 165/2017/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2017 của Chính phủ quy định việc quản lý, sử dụng tài sản của cơ quan Đảng Cộng sản Việt Nam;

Căn cứ Nghị định số 167/2017/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2017 của Chính phủ quy định việc sắp xếp lại, xử lý tài sản công;

Căn cứ Nghị định số 29/2018/NĐ-CP ngày 05 tháng 3 năm 2018 của Chính phủ quy định trình tự, thủ tục xác lập quyền sở hữu toàn dân về tài sản và xử lý đối với tài sản được xác lập sở hữu toàn dân;

Xét Tờ trình số 126/TTr-UBND ngày 02 tháng 7 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lào Cai về việc phân cấp thẩm quyền quyết định trong việc quản lý, sử dụng tài sản công tại các cơ quan, đơn vị, tổ chức thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Lào Cai; Báo cáo thẩm tra số 166/BC-KTNS ngày 09 tháng 7 năm 2021 của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Ban hành kèm theo Nghị quyết này Quy định phân cấp thẩm quyền quyết định trong việc quản lý, sử dụng tài sản công tại các cơ quan, đơn vị, tổ chức thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Lào Cai.

Điều 2. Trách nhiệm và hiệu lực thi hành

1. Ủy ban nhân dân tỉnh chịu trách nhiệm triển khai thực hiện Nghị quyết.
2. Thường trực Hội đồng nhân dân, các ban Hội đồng nhân dân, các tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh có trách nhiệm giám sát việc thực hiện Nghị quyết.
3. Nghị quyết này được Hội đồng nhân dân tỉnh Lào Cai Khóa XVI - Kỳ họp thứ hai thông qua ngày 16 tháng 7 năm 2021, có hiệu lực từ ngày 01 tháng 8 năm 2021 và thay thế Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐND ngày 21 tháng 6 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Lào Cai về việc ban hành quy định phân cấp thẩm quyền quyết định trong việc quản lý, sử dụng tài sản công tại các cơ quan, đơn vị tổ chức thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Lào Cai./.

Nơi nhận:

- UBND Quốc hội, Chính phủ;
- Ban Công tác đại biểu;
- Kiểm toán NN khu vực VII;
- Bộ Tài chính;
- Cục kiểm tra văn bản QPPL - Bộ Tư pháp;
- TT: TU, HĐND, UBND; Đoàn ĐBQH tỉnh;
- UBMTTQVN và các đoàn thể tỉnh;
- Các ban HĐND tỉnh; Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành thuộc tỉnh;
- TT: HU, HĐND, UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- VP: TU, Đoàn ĐBQH và HĐND, UBND tỉnh;
- Phòng CT. HĐND;
- Công TTĐT; Công báo; Báo Lào Cai; Đài PT-TH tỉnh;
- Lưu: VT.

CHỦ TỊCH**Vũ Xuân Cường**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH LÀO CAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**



QUY ĐỊNH

Phân cấp thẩm quyền quyết định trong việc quản lý, sử dụng tài sản công tại các cơ quan, đơn vị, tổ chức thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Lào Cai

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 10/2021/NQ-HĐND ngày 16 tháng 7 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Lào Cai)

Chương I QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh:

a) Quy định này quy định phân cấp thẩm quyền quyết định trong việc quản lý, sử dụng tài sản công tại các cơ quan, đơn vị, tổ chức thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Lào Cai;

b) Các đơn vị là tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp, tổ chức khác chỉ áp dụng đối với tài sản là trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp được Nhà nước giao hoặc hình thành từ ngân sách nhà nước; các tài sản khác được thực hiện theo quy định của pháp luật về dân sự, pháp luật có liên quan và Điều lệ của tổ chức;

c) Các nội dung khác về quản lý, sử dụng tài sản công thực hiện theo quy định của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công và các văn bản hướng dẫn thi hành.

2. Đối tượng áp dụng:

a) Cơ quan Đảng cấp huyện; các cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp, tổ chức khác thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Lào Cai được giao trực tiếp quản lý, sử dụng tài sản công;

b) Cơ quan tài chính các cấp;

c) Các cơ quan, đơn vị, tổ chức và cá nhân khác có liên quan đến việc quản lý, sử dụng tài sản công trên địa bàn tỉnh Lào Cai.

Điều 2. Nguyên tắc phân cấp, quản lý

1. Phân cấp thẩm quyền quyết định quản lý, sử dụng tài sản công phải phù hợp với quy định về phân cấp quản lý kinh tế - xã hội, quản lý ngân sách nhà nước và phù hợp với yêu cầu thực tế công tác quản lý, sử dụng tài sản công của tỉnh Lào Cai.

2. Tài sản công phải được đầu tư, trang bị theo đúng chế độ, tiêu chuẩn, định mức và bảo đảm sử dụng đúng mục đích, tiết kiệm, hiệu quả.

3. Các cơ quan, đơn vị, tổ chức được giao trực tiếp quản lý, sử dụng tài sản công phải quản lý, sử dụng tài sản theo đúng chế độ hiện hành và quy định tại Quy định này; thực hiện tự chủ, tự chịu trách nhiệm trong việc quản lý, sử dụng tài sản công.

4. Giá trị tài sản tại Quy định này là nguyên giá của tài sản.

Chương II

QUY ĐỊNH CỤ THỂ

Điều 3. Thẩm quyền quyết định mua sắm tài sản công

1. Thẩm quyền quyết định mua sắm tài sản công trong trường hợp phải lập thành dự án đầu tư được thực hiện theo quy định của pháp luật về đầu tư công và pháp luật có liên quan.

2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định mua sắm các loại tài sản:

a) Tài sản là trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp, trừ tài sản quy định tại khoản 1 Điều này.

b) Xe ô tô trong phạm vi dự toán ngân sách cấp tỉnh.

c) Tài sản khác có giá trị từ 1 tỷ đồng trở lên/01 đơn vị tài sản trong phạm vi dự toán ngân sách cấp tỉnh.

3. Thủ trưởng các đơn vị dự toán ngân sách tỉnh không quản lý tài chính theo ngành quyết định mua sắm tài sản khác có giá trị đến dưới 1 tỷ đồng/01 đơn vị tài sản (trừ tài sản quy định tại khoản 2, khoản 9 Điều này).

4. Thủ trưởng các đơn vị dự toán ngân sách tỉnh là đơn vị dự toán cấp I quản lý tài chính theo ngành quyết định mua sắm tài sản có giá trị từ 300 triệu đồng đến dưới 1 tỷ đồng/01 đơn vị tài sản (trừ tài sản quy định tại khoản 2, khoản 9 Điều này).

5. Thủ trưởng các đơn vị dự toán cấp tỉnh là đơn vị trực thuộc đơn vị dự toán cấp I quản lý tài chính theo ngành quyết định mua sắm tài sản có giá trị dưới 300 triệu đồng/01 đơn vị tài sản (trừ tài sản quy định tại khoản 2, khoản 9 Điều này).

6. Ban Thường vụ huyện ủy, thị ủy, thành ủy (sau đây gọi chung là Ban Thường vụ cấp huyện) hoặc theo phân cấp của Ban Thường vụ cấp huyện quyết định đối với việc mua sắm tài sản của cơ quan Đảng cấp huyện (trừ tài sản quy định tại điểm a khoản 2, khoản 9 Điều này).

7. Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố (sau đây gọi chung là cấp huyện) mua sắm tài sản của các đơn vị dự toán ngân sách cấp huyện và Ủy ban nhân dân cấp xã đối với tài sản có giá trị từ 300 triệu đồng trở lên/01 đơn vị tài sản (trừ tài sản quy định tại điểm a khoản 2, khoản 6, khoản 9 Điều này).

8. Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn (sau đây gọi chung là cấp xã); Thủ trưởng các đơn vị dự toán ngân sách cấp huyện quyết định mua sắm tài sản có giá trị dưới 300 triệu đồng/01 đơn vị tài sản (trừ tài sản quy định tại điểm a khoản 2, khoản 9 Điều này).

9. Thủ trưởng đơn vị sự nghiệp công lập tự đảm bảo chi thường xuyên và chi đầu tư quyết định mua sắm tài sản từ Quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp và từ nguồn vốn vay, vốn huy động theo chế độ quy định để mua sắm tài sản phục vụ cho các hoạt động sự nghiệp và hoạt động kinh doanh của đơn vị (trừ xe ô tô; tài sản quy định tại điểm a khoản 2 Điều này).

Điều 4. Thẩm quyền quyết định thuê tài sản phục vụ hoạt động của cơ quan, đơn vị

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh căn cứ tiêu chuẩn, định mức sử dụng trụ sở làm việc, tài sản khác phục vụ công tác quyết định thuê tài sản hoặc gói dịch vụ đối với các đơn vị dự toán ngân sách cấp tỉnh có giá trị tiền thuê từ 500 triệu đồng trở lên/hợp đồng thuê tài sản.

2. Thủ trưởng các đơn vị dự toán ngân sách cấp tỉnh căn cứ tiêu chuẩn, định mức sử dụng trụ sở làm việc, tài sản khác phục vụ công tác trong phạm vi dự toán ngân sách tỉnh được giao hàng năm quyết định thuê tài sản hoặc gói dịch vụ có giá trị tiền thuê dưới 500 triệu đồng/hợp đồng thuê tài sản.

3. Ban Thường vụ cấp huyện hoặc theo phân cấp của Ban Thường vụ cấp huyện quyết định việc thuê tài sản của cơ quan Đảng cấp huyện.

4. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện căn cứ tiêu chuẩn, định mức sử dụng trụ sở làm việc, tài sản khác phục vụ công tác quyết định thuê tài sản hoặc gói dịch vụ đối với các đơn vị dự toán ngân sách cấp huyện và Ủy ban nhân dân cấp xã có giá trị tiền thuê từ 100 triệu đồng trở lên/hợp đồng thuê tài sản (trừ tài sản quy định tại khoản 3, Điều này).

5. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã; Thủ trưởng các đơn vị dự toán ngân sách cấp huyện quyết định thuê tài sản hoặc gói dịch vụ có giá trị dưới 100 triệu đồng/hợp đồng thuê tài sản.

6. Thủ trưởng đơn vị sự nghiệp công lập tự đảm bảo chi thường xuyên và chi đầu tư quyết định thuê tài sản từ Quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp và nguồn vốn vay, vốn huy động theo chế độ quy định để phục vụ cho các hoạt động sự nghiệp và hoạt động kinh doanh của đơn vị.

7. Riêng đối với việc thuê tài sản của các đơn vị thuộc lĩnh vực y tế: Khi có văn bản quy định của Bộ Y tế về hướng dẫn thuê tài sản phục vụ hoạt động, Sở Y tế tham mưu cho Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh việc triển khai áp dụng hoặc quy định theo thẩm quyền.

Điều 5. Thẩm quyền quyết định thu hồi tài sản công

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định thu hồi đối với tài sản quy định tại khoản 2 Điều 3 Quy định này.

2. Giám đốc Sở Tài chính quyết định thu hồi đối với tài sản của các đơn vị dự toán ngân sách cấp tỉnh (trừ tài sản quy định tại khoản 2 Điều 3 Quy định này).

3. Ban Thường vụ cấp huyện hoặc theo phân cấp của Ban Thường vụ cấp huyện quyết định thu hồi tài sản của cơ quan Đảng cấp huyện (trừ tài sản quy định tại điểm a khoản 2 Điều 3).

4. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định thu hồi đối với tài sản của các cơ quan, đơn vị cấp huyện, cấp xã thuộc phạm vi quản lý (trừ tài sản quy định tại điểm a khoản 2 Điều 3 và khoản 3 Điều này).

Điều 6. Thẩm quyền quyết định điều chuyển tài sản công

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định điều chuyển tài sản giữa các cơ quan, đơn vị đối với tài sản quy định tại khoản 2 Điều 3 Quy định này.

2. Giám đốc Sở Tài chính quyết định điều chuyển tài sản giữa các cơ quan đơn vị cấp tỉnh; tài sản giữa các cơ quan, đơn vị cấp tỉnh với cơ quan, đơn vị thuộc huyện, thị xã, thành phố; giữa các huyện, thị xã, thành phố (trừ tài sản quy định tại khoản 2 Điều 3 và khoản 3 Điều này).

3. Thủ trưởng đơn vị dự toán được phân cấp quản lý tài chính theo ngành quyết định điều chuyển tài sản giữa các đơn vị trực thuộc phạm vi quản lý (trừ tài sản quy định tại khoản 2 Điều 3 Quy định này).

4. Ban Thường vụ cấp huyện hoặc theo phân cấp của Ban Thường vụ cấp huyện quyết định việc điều chuyển tài sản của cơ quan Đảng cấp huyện (trừ tài sản quy định tại điểm a khoản 2 Điều 3).

5. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định điều chuyển tài sản giữa các cơ quan, đơn vị cấp huyện, cấp xã thuộc phạm vi quản lý (trừ tài sản quy định tại điểm a khoản 2 Điều 3 và khoản 4 Điều này).

Điều 7. Thẩm quyền quyết định bán tài sản công

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định bán tài sản đối với tài sản quy định tại khoản 2 Điều 3 Quy định này.

2. Giám đốc Sở Tài chính quyết định bán tài sản của các cơ quan, đơn vị cấp tỉnh (trừ tài sản quy định tại khoản 2 Điều 3 và khoản 5 Điều này).

3. Ban Thường vụ cấp huyện hoặc theo phân cấp của Ban Thường vụ cấp huyện quyết định việc bán tài sản của cơ quan Đảng cấp huyện (trừ tài sản quy định tại điểm a khoản 2 Điều 3 và khoản 5 Điều này).

4. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định bán tài sản của các cơ quan, đơn vị cấp huyện, cấp xã thuộc phạm vi quản lý (trừ tài sản quy định tại điểm a khoản 2 Điều 3 và khoản 3, khoản 5 Điều này).

5. Thủ trưởng đơn vị sự nghiệp công lập quyết định bán tài sản được hình thành từ nguồn Quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp hoặc từ nguồn vốn vay, vốn huy động theo quy định (trừ cơ sở hoạt động sự nghiệp, xe ô tô).

Điều 8. Thẩm quyền quyết định thanh lý tài sản công

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định thanh lý những loại tài sản:
 - a) Tài sản trên đất của trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp; tài sản khác có nguyên giá từ 10 tỷ đồng trở lên/01 đơn vị tài sản;
 - b) Xe ô tô trong phạm vi dự toán ngân sách cấp tỉnh.
2. Giám đốc Sở Tài chính quyết định thanh lý đối với tài sản trên đất của trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp của các cơ quan, đơn vị cấp tỉnh có nguyên giá từ 3 tỷ đồng đến dưới 10 tỷ đồng/01 đơn vị tài sản.
3. Thủ trưởng các đơn vị dự toán ngân sách tỉnh không quản lý tài chính theo ngành quyết định thanh lý tài sản có giá trị dưới 10 tỷ đồng/01 đơn vị tài sản (trừ tài sản quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều này) sau khi có ý kiến thống nhất bằng văn bản của Sở Tài chính.
4. Thủ trưởng các đơn vị dự toán ngân sách tỉnh quản lý tài chính theo ngành là đơn vị dự toán cấp I quyết định thanh lý tài sản có giá trị từ 3 tỷ đồng đến dưới 10 tỷ đồng/01 đơn vị tài sản (trừ tài sản quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều này) sau khi có ý kiến thống nhất bằng văn bản của Sở Tài chính.
5. Thủ trưởng các đơn vị dự toán ngân sách tỉnh quản lý tài chính theo ngành là trực thuộc đơn vị dự toán cấp I quyết định thanh lý tài sản có giá trị dưới 3 tỷ đồng/01 đơn vị tài sản (trừ tài sản quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều này) sau khi có ý kiến đồng ý bằng văn bản của cơ quan chủ quản.
6. Ban Thường vụ cấp huyện hoặc theo phân cấp của Ban Thường vụ cấp huyện quyết định việc thanh lý tài sản của cơ quan Đảng cấp huyện (trừ tài sản quy định tại điểm a, khoản 1 Điều này).
7. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định thanh lý đối với tài sản của các cơ quan, đơn vị cấp huyện, cấp xã thuộc phạm vi quản lý, gồm: Tài sản trên đất của trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp có nguyên giá dưới 10 tỷ đồng/01 đơn vị tài sản; tài sản khác có nguyên giá từ 3 tỷ đồng đến dưới 10 tỷ đồng/01 đơn vị tài sản (trừ tài sản quy định tại khoản 6 Điều này).
8. Trưởng Phòng Tài chính - Kế hoạch cấp huyện quyết định thanh lý đối với tài sản của đơn vị dự toán thuộc ngân sách cấp huyện, Ủy ban nhân dân cấp xã có nguyên giá từ 1 tỷ đồng đến dưới 3 tỷ đồng/01 đơn vị tài sản (trừ tài sản trên đất của trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp và tài sản quy định tại khoản 6, khoản 10 Điều này).
9. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã, Thủ trưởng các đơn vị dự toán ngân sách cấp huyện quyết định thanh lý đối với tài sản có nguyên giá dưới 1 tỷ đồng/01 đơn vị tài sản sau khi có ý kiến thống nhất bằng văn bản của Phòng Tài chính - Kế hoạch cấp huyện (trừ tài sản trên đất của trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp và tài sản quy định tại khoản 6, khoản 10 Điều này).
10. Thủ trưởng đơn vị sự nghiệp công lập (không quản lý tài chính theo ngành) quyết định thanh lý đối với tài sản khác có nguyên giá đến dưới 10 tỷ

đồng/01 đơn vị tài sản (trừ xe ô tô, tài sản quy định tại điểm a khoản 2 Điều 3 Quy định này) sau khi có ý kiến thống nhất bằng văn bản của cơ quan tài chính cùng cấp.

Điều 9. Thẩm quyền quyết định tiêu hủy; xử lý tài sản công trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định đối với tài sản quy định tại khoản 2 Điều 3 quy định này.

2. Giám đốc Sở Tài chính quyết định đối với tài sản có nguyên giá từ 300 triệu đồng đến dưới 1 tỷ đồng/01 đơn vị tài sản của các cơ quan, đơn vị cấp tỉnh (trừ tài sản quy định tại khoản 1 Điều này).

3. Thủ trưởng các đơn vị dự toán ngân sách cấp tỉnh quyết định đối với tài sản có nguyên giá đến dưới 300 triệu đồng/01 đơn vị tài sản sau khi có ý kiến thống nhất của cơ quan chủ quản (nếu có) và Sở Tài chính (trừ tài sản quy định tại khoản 1 Điều này).

4. Ban Thường vụ cấp huyện hoặc theo phân cấp của Ban Thường vụ cấp huyện quyết định đối với tài sản của cơ quan Đảng cấp huyện.

5. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định đối với tài sản của các cơ quan, đơn vị cấp huyện, cấp xã thuộc phạm vi quản lý (trừ tài sản quy định tại điểm a khoản 2 Điều 3 và khoản 4 Điều này).

Điều 10. Thẩm quyền phê duyệt phương án xử lý tài sản của dự án sử dụng vốn nhà nước thuộc địa phương quản lý

1. Thẩm quyền phê duyệt phương án xử lý tài sản phục vụ hoạt động của dự án thuộc địa phương quản lý khi dự án kết thúc:

a) Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt phương án xử lý tài sản là trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp; tài sản phục vụ hoạt động của dự án thuộc tỉnh quản lý;

b) Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện phê duyệt phương án xử lý tài sản phục vụ hoạt động của dự án đối với các tài sản khác (trừ tài sản quy định tại điểm a, khoản này).

2. Thẩm quyền phê duyệt phương án xử lý tài sản là kết quả của quá trình thực hiện dự án thuộc địa phương quản lý.

a) Đối với tài sản là kết quả của quá trình thực hiện dự án, mà đối tượng thụ hưởng kết quả dự án đã được xác định cụ thể trong dự án được cấp có thẩm quyền phê duyệt thì không phải trình phê duyệt lại phương án xử lý tài sản. Ban Quản lý dự án có trách nhiệm bàn giao tài sản cho đối tượng thụ hưởng để đưa vào khai thác, sử dụng theo mục tiêu dự án;

b) Đối với tài sản là kết quả của quá trình thực hiện dự án, mà trong nội dung dự án được cấp có thẩm quyền phê duyệt không xác định cụ thể đối tượng thụ hưởng thì thẩm quyền phê duyệt phương án xử lý tài sản thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều này.

Điều 11. Thẩm quyền quyết định xác lập quyền sở hữu toàn dân về tài sản

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định xác lập quyền sở hữu toàn dân đối với những loại tài sản:

a) Tài sản bị đánh rơi, bỏ quên thuộc di tích lịch sử - văn hóa; bất động sản vô chủ; bất động sản không có người thừa kế;

b) Tài sản do tổ chức, cá nhân chuyển giao quyền sở hữu cho Nhà nước Việt Nam để chuyển giao cho các cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp tỉnh, bất động sản (bao gồm cả di tích lịch sử - văn hóa); động sản thuộc di tích lịch sử - văn hóa;

c) Tài sản do doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài chuyển giao không bồi hoàn cho Nhà nước Việt Nam theo cam kết sau khi kết thúc thời hạn hoạt động;

d) Tài sản của quỹ xã hội, tài sản của quỹ từ thiện do Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định giải thể;

đ) Tài sản chuyển giao cho Nhà nước Việt Nam theo hợp đồng dự án đối tác công tư đối với trường hợp cơ quan ký hợp đồng dự án thuộc địa phương quản lý.

2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định xác lập quyền sở hữu toàn dân đối với những loại tài sản:

a) Tài sản bị chôn, giấu, bị vùi lấp, chìm đắm; Tài sản bị đánh rơi, bỏ quên, di sản không người thừa kế không thuộc phạm vi quy định tại điểm a khoản 1 Điều này;

b) Tài sản do tổ chức, cá nhân chuyển giao quyền sở hữu cho Nhà nước Việt Nam chuyển giao cho các cơ quan, đơn vị cấp huyện, cấp xã thuộc phạm vi quản lý của Ủy ban nhân dân cấp huyện.

Điều 12. Thẩm quyền phê duyệt phương án xử lý tài sản được xác lập quyền sở hữu toàn dân.

1. Thẩm quyền phê duyệt phương án xử lý tài sản là tang vật, phương tiện vi phạm hành chính.

a) Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt phương án xử lý đối với tài sản là trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp, xe ô tô.

b) Thủ trưởng cơ quan đơn vị thuộc tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định tịch thu tài sản quyết định phương án xử lý đối với tài sản còn lại không thuộc quy định tại điểm a khoản này.

2. Thẩm quyền phê duyệt phương án xử lý tài sản là vật chứng vụ án, tài sản của người bị kết án tịch thu (trừ tài sản là vật có giá trị lịch sử, giá trị văn hoá, cổ vật, bảo vật quốc gia, tài sản là hàng hóa tồn đọng thuộc địa bàn hoạt động hải quan):

a) Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt phương án xử lý đối với tài sản là bất động sản, xe ô tô và các tài sản khác có giá trị từ 1 tỷ đồng trở lên/01 đơn vị tài sản.

b) Giám đốc Sở Tài chính quyết định phê duyệt phương án xử lý tài sản đối với tài sản khác có giá trị dưới 1 tỷ đồng/01 đơn vị tài sản do cơ quan Thi hành án dân sự cấp tỉnh chuyển giao;

c) Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định phê duyệt phương án xử lý đối với tài sản khác (trừ tài sản quy định tại điểm a khoản này) có giá trị từ 300 triệu đồng đến dưới 1 tỷ đồng/01 đơn vị tài sản do cơ quan Thi hành án dân sự cấp huyện chuyển giao;

d) Trưởng phòng Tài chính - Kế hoạch cấp huyện quyết định phê duyệt phương án xử lý tài sản đối với tài sản khác có giá trị dưới 300 triệu đồng/01 đơn vị tài sản do cơ quan Thi hành án dân sự cấp huyện chuyển giao.

3. Thẩm quyền phê duyệt phương án xử lý tài sản là bất động sản vô chủ, tài sản không xác định được chủ sở hữu, tài sản bị đánh rơi, bị bỏ quên, tài sản bị chôn, giấu, bị vùi lấp, chìm đắm được tìm thấy, di sản không có người nhận thừa kế (trừ tài sản đặc biệt, tài sản chuyên dùng thuộc lĩnh vực quốc phòng, an ninh):

a) Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt phương án xử lý đối tài sản bị đánh rơi, bỏ quên thuộc di tích lịch sử - văn hoá; bất động sản vô chủ, bất động sản không có người thừa kế;

b) Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định phê duyệt phương án xử lý tài sản đối với tài sản khác (trừ tài sản quy định tại điểm a khoản này);

4. Thẩm quyền phê duyệt phương án xử lý tài sản của quỹ bị giải thể; tài sản do các tổ chức cá nhân tự nguyện chuyển giao quyền sở hữu cho nhà nước; tài sản do doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài chuyển giao không bồi hoàn cho Nhà nước Việt Nam theo cam kết; tài sản được đầu tư theo hình thức đối tác công tư được chuyển giao cho Nhà nước Việt Nam theo hợp đồng dự án: Thực hiện theo thẩm quyền quy định tại Điều 11 Quy định này.

Điều 13. Điều khoản chuyển tiếp

1. Đối với các nội dung trong quản lý, sử dụng tài sản công đã có được cấp có thẩm quyền phê duyệt trước khi Quy định này có hiệu lực thi hành thì tiếp tục thực hiện theo quyết định được phê duyệt.

2. Đối với các nội dung trong quản lý, sử dụng tài sản công đang lập, trình thẩm định hoặc đã thẩm định nhưng chưa được cấp có thẩm quyền phê duyệt kể từ ngày Quy định này có hiệu lực thì thực hiện theo quy định tại nghị quyết này./.